**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Tiết 31**

**LỖI LOGIC, LỖI CÂU MƠ HỒ VÀ CÁCH SỬA**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về kiến thức**

- HS hiểu bản chất của hai loại lỗi (lỗi logic và lỗi câu mơ hồ).

- HS nhận diện được biểu hiện cụ thể của hai loại lỗi trong văn bản.

**2. Về năng lực**

**-** HS biết cách sửa lỗi đảm bảo yêu cầu về nghĩa của câu, phù hợp với ngữ cảnh.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa vào các nhiệm vụ trong thực tiễn.

**3. Về phẩm chất:** Trân trọng, giữ gìn và phát huy giá trị của tiếng Việt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Ti vi (hoặcmáy chiếu), máy tính, Giấy A3 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, rubric đánh giá,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**:

- Kết nối tri thức

- Tạo hứng thú

- Tạo ra mâu thuẫn nhận thức

**b. Nội dung hoạt động:** HS xem video, trả lời câu hỏi kết nối vào bài học

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS xem Clip:  https://www.youtube.com/watch?v=1Au9yYHQH98  - GV nêu vấn đề:  + Hãy chỉ ra trong trích đoạn yếu tố gây cười đối với người xem.  + Theo em, tại sao chúng ta thấy buồn cười?  **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo**  - HS xem video và thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi.  - GV gọi một số đại diện HS trình bày kết quả.  - HS khác lắng nghe, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  -GV nhận xét, đánh giá câu trả lời, tuyên dương cặp đôi HS có câu trả lời xuất sắc.  - GV dẫn vào bài học. | \* Yếu tố gây cười đối với người xem:  - Đứng lên > < Vận động  - Ngồi im > < Vận động  - Chủ nhà - vai trò > < Chủ Nhà - tên riêng  \* Nguyên nhân gây cười là bởi nhữngphát ngôn mâu thuẫn, mơ hồ,... |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH**

**a. Mục tiêu**:

* HS hiểu bản chất của hai loại lỗi (lỗi logic và lỗi câu mơ hồ).
* HS nhận diện được biểu hiện cụ thể của hai loại lỗi trong văn bản.
* HS biết cách sửa lỗi đảm bảo yêu cầu về nghĩa của câu, phù hợp với ngữ cảnh.

**b. Nội dung**: HS tham gia cuộc thi: **Cú pháp nhiệm màu.**

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV tổ chức cuộc thi:** GV chia lớp làm 3 đội chơi tham gia cuộc thi**Cú pháp nhiệm màu.**  **Vòng 1. Thông thái**  Yêu cầu:  - Các đội nghiên cứu phần kiến thức tiếng Việt bên phải trang sách, thảo luận các dạng lỗi (cách nhận diện, cách sửa) khoảng 3 phút, sau đó cử đại diện lên thi đấu.  - Mỗi đội chơi nhận được 1 **Bảng nhận diện lỗi và cách sửa** (hình thức: nối cột A với cột B) đội nào nối nhanh hơn, đúng hơn sẽ dành điểm cao hơn.  Cụ thể:  - Nhất: 10 điểm  - Nhì: 7 điểm  - Ba: 5 điểm  **Bảng nhận diện lỗi và cách sửa**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Biểu hiện** | **A** | **Nối** | **B** | **Cách sửa** | | Lẫn lộn các bình diện khi nói về đối tượng. | **a** |  | **1** | Lược bỏ một trong các ý mâu thuẫn. | | Có sự mâu thuẫn giữa các ý trong câu. | **b** |  | **2** | Quy các ý về cùng một bình diện. | | Đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng. | **c** |  | **3** | Xác định được ý cần biểu đạt, nhằm biểu đạt đúng ý đã xác định. Tiếp đó, đọc lại câu để biết cần thêm từ ngữ hay dấu câu vào vị trí nào. | | Câu có cấu trúc được diễn giải theo những cách khác nhau, dẫn đến những cách hiểu nghĩa khác nhau. | **d** |  | **4** | Phân chia cấp độ rành mạch cho các đối tượng được nhắc tới. |   **Vòng 2. Bắt lỗi**  3 đội bắt thăm thực hiện các bài tập 1, 2, 3 sgk, đội nào thiết kế **Bảng sửa lỗi** theo mẫu nhanh, đúng hơn sẽ được điểm cao hơn  Cụ thể:  - Nhất: 10 điểm  - Nhì: 7 điểm  - Ba: 5 điểm  **\* Câu hỏi:**  **1**. Chỉ ra lỗi logic trong các câu sau và sửa lại:  a. Là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới, *Vội vàng* của Xuân Diệu như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân.  b. Sử dụng điện gió vừa bảo vệ được môi trường, vừa không tốn nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện.  c. Loan không thích nghệ thuật, vì cô ấy không biết làm thơ.  **2**. Trong các câu sau, có câu mắc lỗi về ngữ pháp, có câu mắc lỗi về logic. Hãy phân tích loại lỗi của từng câu và sửa lại:  a. Không chỉ say mê làm thơ, ông tôi còn rất thích sáng tác bằng thể lục bát và song thất lục bát.  b. Ăn nhiều rau quả vừa tốt cho sức khoẻ lại vừa giảm nguy cơ mắc một số bệnh.  c. Hoàng Phủ Ngọc Tường - một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao.  d. Bên cạnh từ đơn và từ ghép, tiếng Việt còn có bộ phận từ Hán Việt.  **3**. Đọc các câu sau và thực hiện yêu cầu:  a. Nêu những khả năng hiểu khác nhau về từng câu và lí giải căn cứ của mỗi cách hiểu.  b. Sửa lại để mỗi câu chỉ được hiểu theo một nghĩa.  - Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm không để lại dấu vết.  - Trong vườn hoa cúc nở rộ rực một màu vàng.  - Bầu trời in xuống dòng sông xanh ngắt một màu.  - Doanh nghiệp làm ăn có lãi rất nhiều.  **\* Bảng sửa lỗi**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Ngữ liệu** | **Loại lỗi** | **Biểu hiện** | **Cách sửa** | |  |  |  |  |   **Vòng 3. Tinh hoa**  Các đội sẽ cùng thảo luận thực hiện bài 4 sgk, đội nào làm nhanh hơn, đúng hơn sẽ được điểm cao hơn  Cụ thể:  - Nhất: 10 điểm  - Nhì: 7 điểm  - Ba: 5 điểm  **\* Câu hỏi:**  **4**. Nêu và phân tích các cách hiểu có thể có về những câu thơ sau, từ đó cho biết các câu thơ ấy có mắc lỗi câu mơ hồ hay không.  *Anh mang tình em đi*  *Qua những đèo lẻ nắng*  *Những sông trưa không đò*  *Những đường mưa ngẩn trắng*  (Lê Đạt, *Sáng soi*)  *Giọt nước mắt vầng trăng*  *Long lanh trong đáy giếng*  (Thanh Thảo, *Đàn ghi ta của Lor-ca*)  *Đất đá ong khô nhiều suối lệ*  *Em đã bao ngày lệ chứa chan?*  (Quang Dũng, *Mắt người Sơn Tây*)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi theo đội nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV lựa chọn MC dẫn dắt cuộc thi; 2 thư ký ghi điểm.  - Các đội cử đại diện tham gia cuộc thi, thời gian thi đấu tối đa 10 phút, trình bày trên bảng hoặc trên giấy A4, trước sự cổ vũ của các HS còn lại.  - Đội chiến thắng là đội nhanh nhất và đúng nhất.  - Các đội còn lại đều có quyền bổ sung để được ghi điểm.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét, căn cứ kết quả từ thư ký, xếp thứ tự, chúc mừng đội thắng cuộc, trao thưởng. | **1. Dấu hiệu nhận biết và cách sửa lỗi logic và lỗi câu mơ hồ**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Biểu hiện** | **A** | **Nối** | **B** | **Cách sửa** | | Lẫn lộn các bình diện khi nói về đối tượng. | **a** | **a-2** | **1** | Lược bỏ một trong các ý mâu thuẫn. | | Có sự mâu thuẫn giữa các ý trong câu. | **b** | **b-1** | **2** | Quy các ý về cùng một bình diện. | | Đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng. | **c** | **c-4** | **3** | Xác định được ý cần biểu đạt, nhằm biểu đạt đúng ý đã xác định. Tiếp đó, đọc lại câu để biết cần thêm từ ngữ hay dấu câu vào vị trí nào. | | Câu có cấu trúc được diễn giải theo những cách khác nhau, dẫn đến những cách hiểu nghĩa khác nhau. | **d** | **d-3** | **4** | Phân chia cấp độ rành mạch cho các đối tượng được nhắc tới. |   **2. Thực hành nhận biết lỗi logic, lỗi câu mơ hồ và cách sửa**  **a. Bài tập 1**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Ngữ liệu** | **Loại lỗi** | **Biểu hiện** | **Cách sửa** | | a. Là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới, *Vội vàng* của Xuân Diệu như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân. | Lỗi logic: Lẫn lộn các bình diện khi nói về đối tượng. | Câu nêu hai thông tin thuộc hai bình diện khác nhau: tác giả (Xuân Diệu) và tác phẩm *Vội vàng.* Ở câu văn này, người viết mặc nhiên xem tác giả và tác phẩm thuộc một bình diện. | Câu này cần sửa bằng cách quy các thông tin về cùng bình diện:  **+ Cách 1:** *Là nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới, Xuân Diệu luôn đưa ra những tuyên ngôn bằng thơ về cách sống của cái tôi cá nhân.*  **+ Cách 2:** *Bài thơ “Vội vàng” của Xuân Diệu - nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới - được xem như một bản tuyên ngôn về cách sống của cái tôi cá nhân.* | | b. Sử dụng điện gió vừa bảo vệ được môi trường, vừa không tốn nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện. | Lỗi logic: Đặt các đối tượng không cùng cấp độ trong quan hệ đồng đẳng. | Trong câu này, “điện gió” là loại năng lượng vốn không sử dụng nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện (chạy bằng than đá hoặc bằng dầu, khí đốt), cho nên không thể nói “tốn” ít hay nhiều nhiên liệu. Mặt khác, không sử dụng nhiên liệu nên không có khí thải, nghĩa là điện gió hiển nhiên có tác dụng bảo vệ môi trường, do đó không thể dùng từ cặp nối “vừa... vừa” được. | * Sửa: *Sử dụng điện gió có tác dụng bảo vệ môi trường, vì điện gió không tiêu thụ nhiên liệu như nhà máy nhiệt điện.* | | c. Loan không thích nghệ thuật, vì cô ấy không biết làm thơ. | Lỗi logic: Quan hệ giữa hai vế thiếu logic. | Ở câu này, nếu xem Loan “không biết làm thơ” là nguyên nhân dẫn đến việc cô ấy “không thích nghệ thuật” thì không đúng, vì nghệ thuật vốn có nhiều loại hình, thơ chỉ là một trong số đó. Không biết làm thơ vẫn có thể thích nghệ thuật; ngược lại, không thích nghệ thuật do nhiều nguyên nhân khác chứ không phải vì không biết làm thơ. | Câu này có hai cách sửa:  - **Cách 1:** *Loan không biết làm thơ, và cô ấy cũng không thích nghệ thuật.*  - **Cách 2:** *Loan không biết làm thơ, nhưng cô ấy rất thích nghệ thuật.* |   **b. Bài tập 2**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Ngữ liệu** | **Loại lỗi** | **Biểu hiện** | **Cách sửa** | | a. Không chỉ say mê làm thơ, ông tôi còn rất thích sáng tác bằng thể lục bát và song thất lục bát. | Mắc lỗi logic | Câu này dùng cặp từ nối “không chỉ... còn”. Xét về hình thức ngữ pháp, câu không sai, nhưng quan hệ nội dung giữa hai vế không hợp lý: lục bát và song thất lục bát cũng là thơ. | Cần sửa lại để người đọc hiểu rằng thơ có nhiều thể, trong đó có lục bát và song thất lục bát. Chẳng hạn: *Ông tôi* *rất thích làm thơ, nhất là lục bát và song thất lục bát.* | | b. Ăn nhiều rau quả vừa tốt cho sức khoẻ lại vừa giảm nguy cơ mắc một số bệnh. | Mắc lỗi logic | Câu này dùng cặp từ nối “vừa... vừa”. Lẽ ra đã dùng cặp từ nối này thì hai nội dung phải khác nhau. Tuy nhiên, ở đây, “giảm nguy cơ mắc một số bệnh” cũng là biểu hiện của “tốt cho sức khoẻ”. | Có thể sửa: *Ăn nhiều rau quả tốt cho sức khoẻ, vì giảm nguy cơ mắc một số bệnh.* | | c. Hoàng Phủ Ngọc Tường - một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao. | Đây là câu thiếu vị ngữ, một kiểu lỗi ngữ pháp | “Hoàng Phủ Ngọc Tường” là danh từ riêng có thể làm chủ ngữ trong câu; vế “một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao” là thành phần biệt lập, chú thích cho danh từ riêng đó. | Câu này có hai cách sửa:  - **Cách 1**: Thêm từ “là” để biến thành phần chú thích thành vị ngữ: Hoàng Phủ Ngọc Tường là một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao.  **- Cách 2:** Giữ nguyên thành phần chú thích, thêm vị ngữ cho câu: *Hoàng Phủ Ngọc Tường - một cây bút viết kí được Nguyễn Tuân đánh giá rất cao - có sở trường về tuỳ bút.* | | d. Bên cạnh từ đơn và từ ghép, tiếng Việt còn có bộ phận từ Hán Việt. | Mắc lỗi logic | Ở câu này, hai vế đi với “bên cạnh” và “còn có” lẽ ra phải là kết quả phân loại trên cùng một tiêu chí. Ở đây, “từ đơn và từ ghép” là xét về cấu tạo; “từ Hán Việt” là xét về nguồn gốc. | Có thể sửa: *Về nguồn gốc, từ đơn và từ ghép của tiếng Việt đều có thể là từ Hán Việt.* |   **c. Bài tập 3**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Ngữ liệu** | **Loại lỗi** | **Biểu hiện** | **Cách sửa** | | - Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm không để lại dấu vết. | **Mơ hồ về nghĩa** | Câu có thể khiến người đọc thắc mắc: Đối tượng “không để lại dấu vết” là “Các cảnh sát” hay “tên tội phạm”? | Có thể sửa:  *Các cảnh sát truy tìm tên tội phạm, mặc dù hắn không để lại dấu vết.* | | Trong vườn hoa cúc nở rộ rực một màu vàng. | **Mơ hồ về nghĩa** | * Câu này có thể ngắt nhịp theo hai cách, cho hai nghĩa hoàn toàn khác nhau. | Người viết phải dùng dấu phẩy ngắt các vế để câu có nghĩa phù hợp.  **- Cách 1:** *Trong vườn, hoa cúc nở rộ rực một màu vàng.*  **- Cách 2:** *Trong vườn hoa, cúc nở rộ rực một màu vàng.* | | Bầu trời in xuống dòng sông xanh ngắt một màu. | **Mơ hồ về nghĩa** | Câu này cũng có hai cách ngắt nhịp, mỗi cách cho một nghĩa cụ thể. | Người viết phải dùng dấu phẩy ngắt các vế để câu có nghĩa phù hợp.  **- Cách 1:** *Bầu trời in xuống, dòng sông xanh ngắt một màu.*  **- Cách 2:** *Bầu trời in xuống dòng sông, xanh ngắt một màu.* | | Doanh nghiệp làm ăn có lãi rất nhiều. | **Mơ hồ về nghĩa** | Câu này cũng có hai cách hiểu, kết quả của hai cách ngắt nhịp. Cách hiểu thứ nhất: nhiều doanh nghiệp làm ăn có lãi; cách hiểu thứ hai: doanh nghiệp lãi nhiều (lãi lớn). | Muốn câu xác định về nghĩa cần diễn đạt tường minh.  **- Cách 1:** *Nhiều doanh nghiệp làm ăn có lãi.*  **- Cách 2:** *Doanh nghiệp làm ăn có lãi lớn.* |   **d. Bài tập** **4: Tạo sự mơ hồ về ý hoặc phi logic có chủ đích nghệ thuật**  - Hai câu sau của khổ thơ có thể đọc theo nhiều cách khác nhau:  + Có thể ngắt theo nhịp 3/2:  *Những sông trưa/không đò*  *Những đường mưa/ngẩn nắng*  + Hoặc theo nhịp 2/3:  *Những sông/trưa không đò*  *Những đường/mưa ngẩn nắng*  + Lại cũng có thể đọc liền mạch, không ngắt nhịp trong nội bộ từng câu:  *Những sông trưa không đò*  *Những đường mưa ngẩn nắng*  => Mỗi cách ngắt nhịp cho một ý nghĩa khác nhau, nghĩa nào cũng có cơ sở. Với cách viết như vậy, hai câu thơ này không giới hạn cách hiểu của người đọc.  - Trường hợp này, câu thơ đầu có nhiều khả năng tạo nghĩa, vì giữa “giọt nước mắt” và “vầng trăng” có thể có những quan hệ khác nhau:  + *Giọt nước mắt* như *vầng trăng,*  *+ Giọt nước mắt* là *vầng trăng,*  *+ Giọt nước mắt* thành *vầng trăng;*  *+ Giọt nước mắt* của *vầng trăng;...*  => Mối tương quan được xác lập cho một nghĩa khác nhau. Đây là hiện tượng đa nghĩa trong thơ - kết quả sáng tạo ngôn từ của tác giả.  - Câu thơ đầu có hai cách ngắt nhịp:  + Nếu ngắt theo cách *Đất đá ong/khô nhiều suối lệ,* có thể hiểu: vùng đất đá ong cằn cỗi ấy đã thấm khô bao nhiêu nước mắt của những con người khổ đau.  + Nếu ngắt theo cách *Đất đá ong khô/nhiều suối lệ,* lại có thể hiểu vùng đất ấy rất cằn cỗi, cũng giống như con người ở đó, từng trải bao nhiêu khổ đau (bao nhiêu suối lệ đã tuôn).  => Người đọc hoàn toàn có những cách cảm nhận khác nhau, nhờ tính đa nghĩa của ngôn ngữ thơ. |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**:Hiểu được bản chất của hai loại lỗi (lỗi logic và lỗi câu mơ hồ) để vận dụng vào thực hiện các nhiệm vụ thực tiễn.

**b. Nội dung**: Thực hiện bài tập vận dụng.

**c. Sản phẩm**: Sưu tầm của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV nêu yêu cầu:**

- Mỗi HS lập 1 sổ sưu tầm những lỗi logic và lỗi mơ hồ trong đời sống và trong học tập.

- Mỗi HS lập 1 sổ sưu tầm những áng thơ, văn đa nghĩa tạo nên từ việc mơ hồ về ý hoặc vi phạm logic.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

HS gửi sản phẩm vào nhóm lớp hoặc nộp bài qua phần mềm học tập.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV có thể thông báo kết quả ở đầu buổi học tiếp theo; nhận xét, đánh giá về sản phẩm của HS và kết luận.

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

- Đọc lại và tự chỉnh sửa các đoạn văn viết trong các tiết học trước để tránh lỗi về logic và lỗi mơ hồ của câu.

**- Chuẩn bị bài:** Viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

Trần Thị Chung, 0915250563 trường THCS Hàn Thuyên Nam Định

**VIẾT**

**Tiết:32**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ**

**(NHỮNG HOÀI BÃO, ƯỚC MƠ)**

**I. MỤC TIÊU**

1. **Về kiến thức**

- HS nắm được yêu cầu của bài nghị luận xã hội, cụ thể là bài nghị luận có định hướng về nội dung: viết về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

- HS biết tiến hành theo các bước để viết một bài văn nghị luận đáp ứng các yêu cầu đã nêu.

**2. Về năng lực**

- Xác định được các bước trong quy trình viết một văn bản nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ

- Trình bày được luận điểm hợp lý, chặt chẽ; lí lẽ bằng chứng xác đáng, bết phối hợp hiệu quả các thao tác lập luận

- Nêu và phản bác ý kiến trái chiều có thể có về vấn đề bàn luận để củng cố quan điểm người viết

- Viết được kết bài ấn tượng, thúc giục tuổi trẻ hành động

**3. Về phẩm chất**

- Bồi dưỡng cho HS ý thức học tập, tích cực tìm kiếm tư liệu để hoàn thiện bài viết, cẩn trọng để tạo lập một văn bản nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

- Biết học hỏi, chia sẻ và không ngừng cố gắng để hoàn thiện bản thân.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Ti vi (hoặcmáy chiếu), máy tính, Giấy A0, hộp giấy hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**2. Học liệu:** SGK, STK, kế hoạch bài dạy, video liên quan, phiếu học tập, rubric đánh giá,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối- tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS quan sát video và chia sẻ về bản thân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu yêu cầu:  **1.** Quan sát video:  <https://www.youtube.com/watch?v=YzNgew4WMfE>  **2.** Ước mơ, hoài bão của em là gì? Động lực nào sẽ giúp cho mơ ước đó trở thành hiện thực?  **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo**  HS xem Clip, chia sẻ hoài bão, ước mơ của bản thân.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  **-** GV nhận xét, biểu dương HS với những ước mơ, hoài bão của các em.  - GV dẫn vào bài: Cái viễn cảnh “phải sống” theo ý người khác, không có ước mơ, không dám làm những thứ “khó”, cái không khí vô hình đó thật đáng sợ. Ngoảnh đi ngoảnh lại, bạn đã từ bỏ hoài bão để chạy theo cơm áo gạo tiền. Hay sự khó khăn của nền kinh tế khiến bạn chỉ nghĩ được ngắn hạn. Còn 5 năm nữa, 10 năm nữa, bạn sẽ là ai? Bạn sẽ làm gì cho cuộc đời? Đề kháng được trong bầu không khí buồn thiu ấy là một năng lực cần cho người trẻ để sống cuộc đời của chính mình. Ai cũng cần có hoài bão riêng. Bạn vẫn có thể chỉ là một hòn đá. Nhưng hãy là hòn đá lăn, để rêu không bám vào. Ngày hôm nay chúng ta hãy cùng nhau viết lên những ước mơ, hoài bão của tuổi trẻ bằng một bài nghị luận nhé! | HS chia sẻ hoài bão, ước mơ, động lực của bản thân. |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

- HS hiểu yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

**b.** **Nội dung hoạt động**: GV hướng dẫn HS đọc bài viết tham khảo, thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Nhiệm vụ 1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi 4 HS đọc bài viết tham khảo (Mở bài, Luận điểm 1, Luận điểm 2, Kết bài).  - HS thảo luận cặp đôi thực hiện các yêu cầu sau:  **1.** Ở bài viết tham khảo, vấn đề gì liên quan đến tuổi trẻ được nêu để bàn luận? Người viết đặt mình vào vị trí nào để trình bày quan điểm về vấn đề này?  **2.** Phân tích cấu trúc nghị luận của bài viết theo mẫu:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Luận đề** | | | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | 1 |  |  | | 2 |  |  |   **3.** Chỉ ra những thao tác nghị luận đã được phối hợp sử dụng trong bài viết.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - 4 HS nối tiếp nhau đọc văn bản.  - Thảo luận cặp đôi 3 câu hỏi SGK khoảng 5-7 phút.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  - Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu yêu cầu của bài văn bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (so sánh với bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội)**  **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu yêu cầu HS: Thảo luận nhóm hai bàn hoàn thiện bảng sau:  **Bảng so sánh bài nghị luận về một vấn đề xã hội và bài nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Yêu cầu | | Nghị luận về một vấn đề xã hội | Nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ | | Nêu vấn đề | |  |  | | Triển khai vấn đề | Khẳng định quan điểm |  |  | | Củng cố quan điểm |  |  | | Kết thúc vấn đề | |  |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm, hoàn thiện bảng so sánh.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi đại diện 2-3 nhóm bàn trình bày kết quả.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc và tìm hiểu bài viết tham khảo**  - **Vấn đề bàn luận:** giá trị đích thực của tuổi trẻ, tầm quan trọng của tuổi trẻ, những phẩm chất cần thiết để tuổi trẻ có ý nghĩa và giá trị.  **- Vị trí của người viết:**  + Là một nhà giáo uyên bác và giàu kinh nghiệm: Tác giả sử dụng kiến thức và hiểu biết của mình về tuổi trẻ để đưa ra những nhận định sâu sắc và chính xác.  + Là một người từng trải: Tác giả hiểu sâu sắc vấn đề và đưa ra những lí lẽ xác đáng.  + Là một người tâm huyết với thế hệ trẻ: Tác giả thể hiện niềm tin vào tiềm năng và sức mạnh của tuổi trẻ, đồng thời mong muốn thế hệ trẻ sống có ích và cống hiến cho đất nước.  - **Phân tích cấu trúc nghị luận:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Luận đề** | | | **Luận điểm** | **Lí lẽ và bằng chứng** | | 1 | Xây dựng tương lai cho tuổi trẻ | **- Lí lẽ:**  + Thanh niên là trụ cột của một xã hội và do đó họ quyết định tương lai của bất kì xã hội nào. Thanh niên là xương sống của bất kì quốc gia nào.  + Giá trị của tuổi trẻ nằm ở sự chăm chỉ, nỗ lực, dũng cảm; ở sự phấn đấu, sáng tạo, cống hiến.  **- Bằng chứng:**  + Trịnh Xuân Mười, con thứ mười của một hộ nông dân nghèo ở Diễn Châu, Nghệ An, một mình vào Tây Nguyên lập nghiệp khi còn rất trẻ.  + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh ở Hà Nội, chỉ có một cánh tay rưỡi mà từ nhỏ đã học giỏi, biết vẽ, biết chơi pi-a-nô, biết ném bóng rổ và đặc biệt là đã có thể viết tự truyện bằng tiếng Anh.  + Lê Thị Thắm ở Thanh Hoá, sinh ra không có hai tay, viết bằng chân mà đã tốt nghiệp đại học, trở thành cô giáo dạy tiếng Anh miễn phí cho các bạn trẻ trong làng. | | 2 | Học cách đặt mục tiêu | **- Lí lẽ:**  + Công nghệ đang giúp bảo vệ tương lai của giới trẻ.  + Tuổi trẻ gắn kết hành động toàn cầu.  + Động lực, khả năng phục hồi và sự bền bỉ kết hợp các giá trị đạo đức, tạo ra những con người trưởng thành toàn diện.  **- Bằng chứng:**  + 78,6% người được hỏi ý kiến cho rằng công nghệ đang “tạo ra” chứ không phải đang “phá huỷ” việc làm.  + Những thách thức toàn cầu, như đại dịch virus Corona hoặc biến đổi khí hậu, cũng như các vấn đề địa phương sẽ ảnh hưởng đến tương lai.  + Giêm Đai-xơn (James Dyson) đã xuất sắc khi thi chạy đường dài. |   **=> Cách phối hợp giữa lí lẽ và bằng chứng:**  + Lí lẽ được sử dụng làm nền tảng cho bài viết. Mỗi luận điểm đều được trình bày một cách logic, chặt chẽ.  + Bằng chứng được sử dụng để minh hoạ cho lí lẽ, làm cho bài viết thêm sinh động và thuyết phục. Các bằng chứng được đưa ra đều cụ thể, tiêu biểu và phù hợp với luận điểm. + Sự kết hợp giữa lí lẽ và bằng chứng giúp bài viết vừa có tính khoa học, vừa có tính nghệ thuật.  **- Những thao tác nghị luận đã được phối hợp sử dụng trong bài viết:**   |  |  | | --- | --- | | Giải thích | Giải thích khái niệm “tuổi trẻ”, giá trị của tuổi trẻ. | | Phân tích | Phân tích những đặc điểm của tuổi trẻ (sức khoẻ, trí tuệ, nhiệt huyết, dũng cảm, ước mơ,...); vai trò của tuổi trẻ (tuổi trẻ có vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển đất nước). | | Chứng minh | Chứng minh giá trị của tuổi trẻ qua các bằng chứng:  + Trịnh Xuân Mười, con thứ mười của một hộ nông dân nghèo ở Diễn Châu, Nghệ An, một mình vào Tây Nguyên lập nghiệp khi còn rất trẻ.  + Nguyễn Ngọc Bảo Khanh ở Hà Nội, Lê Thị Thắm ở Thanh Hoá, những tấm gương về tuổi trẻ vượt khó. | | Bình luận | Bình luận về tầm quan trọng của việc rèn luyện ý chí, nghị lực, bản lĩnh, và lòng yêu nước cho thế hệ trẻ, bình luận về cách để tuổi trẻ có giá trị. |   **2. Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Yêu cầu** | | **Nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ** | | Nêu vấn đề | | Nêu được vấn để có ý nghĩa, liên quan đến những hoài bão, ước mơ của tuổi trẻ để bàn luận. | | Triển khai vấn đề | Khẳng định quan điểm | Thể hiện được quan điểm rõ ràng của người viết về vấn đề, thông qua hệ thống luận điểm hợp lí, chặt chẽ; sử dụng lí lẽ sắc bén, bằng chứng xác đáng; biết phối hợp hiệu quả các thao tác: chứng minh, bình luận, bác bỏ, giải thích, phân tích, so sánh để tăng sức thuyết phục cho bài viết. | | Củng cố quan điểm | Nêu và phản bác được ý kiến trái chiều có thể có về vấn để được bàn luận nhằm củng cố quan điểm của nguời viết. | | Kết thúc vấn đề | | Rút ra được ý nghĩa của việc nhận thức đúng về vấn đề.  Kết bài gây ấn tượng đối với người đọc, thúc giục tuổi trẻ hành động. | |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**:

- HS xác định được các bước trong quy trình viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

- HS thực hành các bước để viết bài văn nghị luận về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (những hoài bão, ước mơ).

**b. Nội dung**: HS thực hành viết theo các bước.

**c. Sản phẩm**: Bài viết của HS, phiếu hướng dẫn viết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **II. Thực hành viết**  **1. Các bước thực hành viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu vấn đề:  + Chọn một trong 5 đề bài SGK đã cho  + Các em thực hiện nhiệm vụ theo bàn: đọc SGK, thực hiện các yêu cầu trong bảng kiến thức sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Các bước** | **Nội dung** | | | | Chuẩn bị viết |  | | | | Tìm ý, lập dàn ý | Tìm ý |  | | | Lập dàn ý | MB |  | | TB |  | | KB |  | | Viết |  | | | | Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện |  | | |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK, thực hiện nhiệm vụ theo nhóm bàn  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS chia sẻ câu trả lời.  - HS khác quan sát, nghe và nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  **2. Thực hành viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu vấn đề: Các em viết bài văn hoàn chỉnh  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đọc bài viết trước lớp  - HS khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  - GV tổ chức cho HS nhận xét, đánh giá bài viết theo rubric và dàn ý tham khảo. | **II. Thực hành viết**  **1. Các bước thực hành viết**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Các bước** | **Nội dung** | | | | Chuẩn bị viết | **Lựa chọn một trong các gợi ý sau để làm đề tài viết:**  **(1)** Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến xu hướng chọn nghề của giới trẻ;  **(2)** Nhu cầu thưởng thức âm nhạc, phim ảnh của giới trẻ;  **(3)** Ý thức về giới của các bạn trẻ;  **(4)** Quyền được thử và sai lầm của giới trẻ;  **(4)** Sống theo sở thích cá nhân và sống để phụng sự xã hội;  ... | | | | Tìm ý, lập dàn ý | Tìm ý | **Trả lời câu hỏi:**  - Cần giải thích điều gì ở vấn đề vừa nêu?  - Có những khía cạnh nào của vấn đề cần bình luận?  - Cần có định hướng hành động như thế nào sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề? | | | Lập dàn ý | MB | Giới thiệu vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, nêu quan điểm của người viết về vấn đề đó. | | TB | - Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận.  - Trình bày các khía cạnh của vấn đề (Vì sao vấn đề này thiết yếu đối với tuổi trẻ? Vấn đề gợi cho tuổi trẻ những suy nghĩ và hành động như thế nào? Cần có những điều kiện gì để tuổi trẻ thực hiện yêu cầu mà vấn đề nêu ra?).  - Với từng luận điểm, cần dùng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để lập luận nhằm tạo nên sức thuyết phục của bài viết.  - Bình luận về sự đúng đắn, thiết thực của vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình.  - Định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức về vấn đề. | | KB | Khái quát lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ với đời sống thực tại, rút ra bài học cho bản thân. | | Viết | - Khi viết bài, cần bám sát dàn ý để triển khai tuần tự các luận điểm, đảm bảo tính mạch lạc và sự liên kết chặt chẽ giữa các câu, các đoạn. - Bàn về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, cần viết với tâm thế của người trong cuộc, trong lập luận, cần khai thác dẫn chứng gắn với các mặt trong đời sống tuổi trẻ, từ những trải nghiệm của bản thân, tránh theo khuôn mẫu, công thức chung chung.  - Luôn chú ý phối hợp các thao tác nghị luận và các yếu tố bổ trợ như tự sự, biểu cảm để tăng sức hấp dẫn và thuyết phục cho bài văn.  - Cần nhận thức rõ: Vấn đề liên quan đến tuổi trẻ không đồng nghĩa với vấn đề của riêng tuổi trẻ. Vấn đề được chọn làm đề tài của bài viết cũng có thể liên quan đến mọi thành viên của cộng đồng. Tuy nhiên, khi viết bài, cần biết triển khai luận điểm từ góc nhìn của tuổi trẻ và chú ý khai thác những điều có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến tuổi trẻ. | | | | Kiểm tra và chỉnh sửa hoàn thiện | Đọc lại bài văn đã viết, đối chiếu với các yêu cầu đã nêu ở bước chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý để kiểm tra và chỉnh sửa theo gợi ý sau:   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung** | **Yêu cầu cụ thể** | | Bố cục ba phần | **Mở bài:** Vấn đề đời sống liên quan đến tuổi trẻ được trình bày như thế nào? | | **Thân bài:**  - Các khía cạnh của vấn đề được triển khai thành các luận điểm không?  - Có hiện tượng mất cân đối giữa các luận điểm không?  - Các phối hợp các thao tác nghị luận không? | | **Kết bài:** Đã liên hệ với đời sống, nêu phương hướng hành động sau khi nhận thức được ý nghĩa của vấn đề chưa? | | Các lỗi còn mắc | - Lỗi về ý: thiếu ý, lặp ý, lạc ý.  - Lỗi về trình bày, chính tả, dùng từ và diễn đạt. | | Đánh giá chung | - Bài viết đáp ứng yêu cầu đạt mức độ nào?  - Những khó khăn hoặc hứng thú khi thực hành bài viết. | | | |   **2. Thực hành viết**  Sản phẩm: Bài viết của HS |

**Phụ lục 1: RUBRIC ĐÁNH GIÁ BÀI VIẾT**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐẠT YÊU CẦU**  **(5 – 7 điểm)** | **BÀI LÀM TỐT**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  (3 điểm) | Bài làm chưa đảm bảo cấu trúc, luận điểm mơ hồ, chưa thuyết phục. Trình bày chưa mạch lạc. Mắc nhiều lỗi chính tả. | Bài làm đảm bảo cấu trúc, luận điểm chính chưa làm rõ yêu cầu. Trình bày tương đối sạch đẹp. Mắc ít lỗi chính tả. | Bài làm đảm bảo cấu trúc, trình bày mạch lạc, sắp xếp các luận điểm, bằng chứng, lí lẽ theo trật tự logic. Có sự kết hợp các phương thức biểu đạt phù hợp. Trình bày thuyết phục được người nghe. |
| **Nội dung**  **(7 điểm)** | Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện. | Nội dung đúng, đủ và làm rõ được một phần yêu cầu.  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. | Nội dung đúng, đủ và làm rõ được yêu cầu. Có bài học rút ra.  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao. Có sự sáng tạo. |
| **Điểm** | **0 – 4 điểm** | **5 – 7 điểm** | **8 – 10 điểm** |
| **TỔNG** | **10** | | |

**Phụ lục 2: DÀN Ý THAM KHẢO**

**Viết bài văn nghị luận về:** *Thái độ trước lỗi lầm của bản thân*

**I. Mở bài**

Giới thiệu vấn đề nghị luận: *Thái độ trước lỗi lầm của bản thân*

**II. Thân bài**

**1. Giải thích từ ngữ, khái niệm để làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận:**

- *Lỗi lầm* xuất phát từ hành động chưa đúng, tạo ra hậu quả cho bản thân và xã hội.

- *Thái độ trước lỗi lầm của bản thân*: Chính là sự tự quyết định trong ý thức và trong hành động của chính mình trước lỗi lầm mà mình đã gây ra, hoặc tự bao biện dung túng, hoặc giằng xé, dằn vặt, hoặc quyết tâm sửa chữa loại bỏ sai lầm của chính mình.

**2. Trình bày các khía cạnh của vấn đề thành từng luận điểm, cần dùng lí lẽ và bằng chứng phù hợp để lập luận nhằm tạo nên sức thuyết phục của bài viết:**

- Trong cuộc sống không ai tránh khỏi được sai lầm, sai lầm là điều tất yếu.

- Sai lầm là hậu quả của sự thiếu suy nghĩ, mất bình tĩnh, nóng giận và sau mỗi sai lầm ta luôn nhận ra những bài học bổ ích khác trong cuộc sống.

- Sai lầm khiến ta biết mình còn đang khiếm khuyết ở đâu để sửa chữa và khắc phục lỗi.

- Sai lầm thường gây mất lòng tin từ người xung quanh, ảnh hưởng đến cả môi trường xã hội.

- Điều quan trọng là họ cần phải biết nhận ra sai lầm và có thái độ nhìn nhận thẳng vào sai lầm của bản thân để sửa chữa và rút kinh nghiệm quý báu từ những sai lầm để tránh mắc phải chúng.

- Con người không nên sợ vấp phải sai lầm mà thu mình, không dám đối mặt với thử thách. Hãy kiên cường, dũng cảm nhận sai phạm của bản thân, tự chịu trách nhiệm về hành động của bản thân, không trách người khác.

- Từ đó, lập kế hoạch cụ thể để khắc phục và tiếp tục hành trình đúng đắn.

- Đôi khi ta cũng phải tự tha thứ cho bản thân để còn giữ được niềm tin vào cuộc đời

**3. Bình luận về sự đúng đắn, thiết thực của vấn đề, bác bỏ ý kiến trái ngược để củng cố quan điểm của mình:**

Trong xã hội vẫn còn có nhiều người khi gây ra lỗi lầm không biết sửa chữa, nhận lỗi về mình; lại có những người vì lợi ích của bản thân mà cố ý gây ra lỗi lầm, tổn thương cho người khác,… những người này đáng bị xã hội chỉ trích, phê phán.

**4. Định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức về vấn đề:**

Người biết nhận lỗi và sửa lỗi là người biết nhìn nhận thực tế, sẽ được người khác nhìn nhận và đánh giá cao.

**III. Kết bài:** Khái quát lại ý nghĩa của vấn đề, liên hệ với đời sống thực tại, rút ra bài học cho bản thân.

Trong cuộc sống, chúng ta không tránh khỏi những lúc mắc sai lầm, phạm phải nhiều lỗi lầm theo những mức độ khác nhau, việc nhận lỗi và sửa chữa chúng sẽ khiến bản thân ta tốt lên từng ngày, hoàn thiện nhân cách đồng thời lấy lại niềm tin của người khác đối với bản thân mình.

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**:Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung**: Thực hiện phóng sự về các vấn đề mà tuổi trẻ quan tâm hoặc ảnh hưởng trực tiếp tới tuổi trẻ.

**c. Sản phẩm**: Clip của HS theo yêu cầu của GV.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

**GV nêu yêu cầu:** Thực hiện phóng sự về các vấn đề mà tuổi trẻ quan tâm hoặc ảnh hưởng trực tiếp tới tuổi trẻ.

- Gửi bài cho CLB Truyền thông nhà trường.

- Căn cứ đánh giá: Bài được chọn đăng và có số lượt chia sẻ, like nhiều nhất trong tuần đầu tiên.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Thực hiện trên trang fanpage CLB Truyền thông và trang facebook cá nhân.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét, tổng kết trao giải trong bài học sau.

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

* HS hoàn thiện các bài tập còn lại.

**- Chuẩn bị nội dung nói và nghe:** Thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

**NÓI VÀ NGHE**

**Tiết 33**

**THUYẾT TRÌNH VỀ MỘT VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI TRẺ**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Về kiến thức:** HS nắm vững và chủ động thực hiện việc chuẩn bị để tiến hành một bài thuyết trình về một chủ đề cụ thể, trước đối tượng người nghe xác định.

**2. Về năng lực:** HS phải trình bày được bài thuyết trình đúng chủ đề, thời gian quy định (trong tư cách người nói) và nắm bắt, phản hồi được nội dung thuyết trình (trong tư cách người nghe).

**3. Về phẩm chất**

- Thể hiện được thái độ cầu thị trong khi trao đổi, tự tin thể hiện bản thân, chủ động, tích cực, có văn hóa

- Quan tâm tới người nghe và có thái độ phù hợp khi nói.

-Có tư duy phản biện

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, SGV, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, video liên quan, phiếu học tập, bảng tự đánh giá và đánh giá về ý kiến trao đổi, đánh giá,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY – HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**

**-** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

- HS huy động được tri thức, kinh nghiệm cho bài thuyết trình.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS xem đoạn Clip, GV đặt câu hỏi, HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS xem Clip:  <https://www.youtube.com/watch?v=cs00vyt15ag>  - GV nêu vấn đề:  + Nội dung xoay quanh vấn đề gì?  + Giọng nói có truyền cảm không?  + Điệu bộ có tự tin, nét mặt có biểu cảm không?  + Cách bắt đầu và kết thúc có hấp dẫn không?  **Bước 2 + 3: Thực hiện nhiệm vụ và báo cáo**  - HS xem Clip và xung phong trả lời câu hỏi.  - GV gọi 2-3 HS trình bày kết quả.  - HS khác lắng nghe, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  Giáo viên đánh giá, kết luận, dẫn vào bài mới.  *Có bao giờ bạn lắng nghe bài hùng biện của một người nổi tiếng và cảm thấy thật ấn tượng?*  *Có phải vì khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách logic, thuyết phục và truyền cảm hứng của họ luôn khiến chúng ta cảm thấy thu hút? Vậy, ta học được gì từ họ để có thể cải thiện được kỹ năng này?* | HS xem Clip và thể hiện ý kiến cá nhân. |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** HS xác định được yêu cầu và các bước để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

**b. Nội dung:** Trao đổi, thảo luận các yêu cầu và các bước để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I . CHUẨN BỊ NÓI**  **\*Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV nêu yêu cầu: Cần lưu ý gì khi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ?  **Bước 2 +3: Thực hiện, báo cáo nhiệm vụ**  HS đọc SGK, thảo luận cặp đôi 2 phút và báo cáo  HS khác nhận xét, bổ sung nếu cần  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức.  **\*Nhiệm vụ 2: Chuẩn bị các bước thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu:  - Lớp chia thành nhiều nhóm (căn cứ theo sự lựa chọn đề tài viết ở tiết học trước )  - Các nhóm xây dựng quy trình thuyết trình về vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS đọc SGK, tài liệu tham khảo và thảo luận nhóm, hoàn thành nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 – 2 nhóm trình bày dàn ý đã xây dựng, chỉnh sửa, các nhóm khác góp ý, bổ sung.  - GV yêu cầu thực hành luyện nói trong nhóm, góp ý cho nhau trước khoảng 5 phút.  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV nhận xét phần làm việc các nhóm, chốt kiến thức. | **I . CHUẨN BỊ NÓI**  **1. Yêu cầu của kiểu bài** **thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ**  **\* Một số yêu cầu cần lưu ý**  - Nêu được vấn đề có ý nghĩa để thuyết trình.  - Xác định được mối liên hệ giữa vấn đề với đời sống của giới trẻ.  - Làm rõ được từng khía cạnh của vấn đề, đánh giá được tính tích cực hay tiêu cực của các cách nhìn nhận về vấn đề.  - Đảm bảo tính cụ thể, chính xác của các thông tin liên quan đến vấn đề.  - Rút ra được ý nghĩa của việc thuyết trình về vấn đề.  **\* Những lưu ý khi thuyết trình**  **-** Tư thế, tác phong tự tin, đĩnh đạc.  **-** Giới thiệu vấn đề sinh động, hấp dẫn.  **-** Kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ, các phương tiện, thiết bị như loa, đài, máy chiếu,…  **2. Chuẩn bị các bước thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ.**  **a. Lựa chọn đề tài**  -Lựa chọn đề tài đã triển khai ở phần *Viết*  -Lựa chọn đề tài mới  **b. Tìm ý và sắp xếp ý**  - Lựa chọn đề tài đã triển khai ở phần Viết, điều chỉnh cho phù hợp với hoạt động nói và nghe.  - Lựa chọn đề tài mới, có thể tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:  + Bản chất của vấn đề là gì?  + Vấn đề có liên quan như thế nào đến đời sống của giới trẻ?  + Những khía cạnh nào của vấn đề cần làm rõ?  + Cần định hướng hoạt động như thế nào sau khi đã nhận thức rõ về vấn đề? |

**3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: HS trình bày được bài thuyết trình bài thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ; biết lắng nghe và trao đổi.

**b. Nội dung**: HS trình bày bài nói đã chuẩn bị ở bài viết và nhận xét, trao đổi về bài nói.

**c. Sản phẩm:** Bài trình bày của học sinh và nhận xét, trao đổi về bài nói.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV lưu ý HS các bước chuẩn bị để có bài thuyết trình tốt, lưu ý HS tận dụng các lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời như sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ, điệu bộ và sự tương tác tích cực với người nghe để tạo sức hấp dẫn và thuyết phục.  - HS trình bày bài nói, mỗi HS từ 5 – 7 phút.  - HS còn lại lắng nghe, ghi chép vào vở, nhận xét về bài nói trên các tiêu chí trong phiếu nhận xét:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI** | | | | **STT** | **Tiêu chí** | **Nhận xét** | | 1 | Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không? |  | | 2 | Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không? |  | | 3 | Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không? |  | | 4 | Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không? |  | | 5 | Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không? |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI** | | | | **STT** | **Tiêu chí** | **Nhận xét** | | 1 | Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa? |  | | 2 | Có tích cực ghi chép không? |  | | 3 | Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không? |  | | 4 | Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa? |  |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS kiểm tra, rà soát lại bài nói khoảng 2 phút  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - GV gọi 2-3 HS lên trình bày  - HS khác thực hiện nhiệm vụ nghe, ghi chép, trao đổi và hoàn thành phiếu  **Bước 4: Đánh giá, kết luận**  GV tổng hợp nhận xét và đánh giá bài thuyết trình của HS theo bảng kiểm (bên dưới) | **II. THỰC HÀNH NÓI VÀ TRAO ĐỔI, ĐÁNH GIÁ**  **1. Thực hành nói**  Tham khảo bài thuyết trình về: *Thái độ trước lỗi lầm của bản thân* (bên dưới)  **2. Trao đổi, đánh giá**  **a. Trao đổi**   |  |  | | --- | --- | | **Người nghe** | **Người nói** | | Người nghe có thể nhận xét về sự cần thiết của vấn đề được đề cập, sức thuyết phục của bài thuyết trình, độ chính xác của các thông tin đã nêu, cách sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố phi ngôn ngữ của người nói. Nếu có khía cạnh nào chưa rõ, yêu cầu người nói giải thích thêm. | Người nói cần làm rõ thêm những ý mà người nghe nêu thắc mắc, trao đổi lại các ý kiến đánh giá về nội dung và cách thực hiện bài thuyết trình. |   **b. Đánh giá**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU NHẬN XÉT BÀI NÓI** | | | | **STT** | **Tiêu chí** | **Nhận xét** | | 1 | Giọng nói rõ ràng truyền cảm và dễ nghe không? |  | | 2 | Nội dung bài nói đúng yêu cầu và có sức thuyết phục không? |  | | 3 | Bố cục bài nói rõ ràng, mạch lạc không? |  | | 4 | Các phương tiện phi ngôn ngữ được sử dụng phù hợp không? |  | | 5 | Phương tiện hỗ trợ được sử dụng phù hợp không? |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU TỰ NHẬN XÉT QUÁ TRÌNH NGHE VÀ TRAO ĐỔI** | | | | **STT** | **Tiêu chí** | **Nhận xét** | | 1 | Thái độ nghe: đã tập trung và tôn trọng người nói chưa? |  | | 2 | Có tích cực ghi chép không? |  | | 3 | Các ý bổ sung đúng vấn đề, có ý nghĩa không? |  | | 4 | Câu hỏi phản biện đã hướng đến vấn đề chính của bài nói chưa? |  | |

**Tham khảo bài thuyết trình về: *Thái độ trước lỗi lầm của bản thân***

**Xin chào các bạn!**

Bạn chọn sai ngành học, bạn trao tình yêu nhầm người, bạn làm một công việc không như ý muốn… Tất cả không thành vấn đề. Bạn còn trẻ và bạn luôn có quyền lựa chọn lại, quyết định lại. Tuổi trẻ là để trải nghiệm và lựa chọn. Vì khi đó bạn còn tự do, còn thời gian, và còn sức khỏe. Bạn có quyền tự chọn lựa cuộc sống cho mình, tự thay đổi, tự đứng dậy sau mỗi thất bại, tự rút ra kinh nghiệm sau mỗi sai lầm của bản thân.

Vậy chúng ta nên có thái độ như thế nào trước lỗi lầm của chính mình, trước hết, tôi xin chia sẻ sự hiểu biết của bản thân về khái niệm lỗi lầm và thái độ trước lỗi lầm để từ đó làm rõ bản chất vấn đề cần bàn luận.

*Lỗi lầm* - ta có thể hiểu đó là hậu quả xuất phát từ hành động chưa đúng. Hậu quả này gây ảnh hưởng tồi tệ cho bản thân và xã hội.

*Còn thái độ trước lỗi lầm của bản thân* được xem là sự tự quyết định trong ý thức và trong hành động của chính mình trước lỗi lầm mà mình đã gây ra, hoặc tự bao biện dung túng, hoặc giằng xé, dằn vặt, hoặc quyết tâm sửa chữa loại bỏ sai lầm của chính mình.

Từ việc hiểu các khái niệm cơ bản, chúng ta cần đi sâu vào vấn đề. Tiếp ngay sau đây, tôi xin trình bày cụ thểcác khía cạnh của vấn đề**:**

Rõ ràng là trong cuộc sống không ai tránh khỏi được sai lầm, sai lầm là điều tất yếu. Sai lầm chính là là hậu quả của sự thiếu suy nghĩ, mất bình tĩnh, nóng giận. Sai lầm của ta khiến ta thất bại lại còn có thể gây mất lòng tin từ người xung quanh, ảnh hưởng đến cả môi trường xã hội.

Tuy vậy, sau mỗi sai lầm ta luôn nhận ra những bài học bổ ích khác trong cuộc sống. Chính những sai lầm khiến ta biết mình còn đang khiếm khuyết ở đâu để sửa chữa và khắc phục. Bởi vậy, trước sai lầm ta cần có thái độ nhìn nhận thẳng và sẵn sàng sửa chữa, rồi từ đó rút kinh nghiệm quý báu cho chính mình.

Như vậy, mỗi chúng ta không nên sợ vấp phải sai lầm mà thu mình, không dám đối mặt với thử thách. Hãy kiên cường, dũng cảm nhận sai phạm của bản thân, tự chịu trách nhiệm về hành động của bản thân, không trách người khác. Từ đó, lập kế hoạch cụ thể để khắc phục và tiếp tục hành trình đúng đắn. Đối với chính bản thân mình cũng vậy, đôi khi ta cũng phải tự tha thứ cho bản thân để còn giữ được niềm tin vào cuộc đời.

Một số ví dụ quen thuộc, không hề xa lạ với các bạn:

Ê - đi - xơn làm thí nghiệm bóng đèn tới 9999 lần, nghĩa là ông đã sửa sai 10.000 lần, cuối cùng đem đến cho nhân loại ánh sáng.

Trên hành trình cứu nước, Bác đã nhìn thấy sai lầm của những người đi trước nên Người đã chọn con đường mới để đem lại hòa bình cho dân tộc.

Rõ ràng, thành công không đến dễ dàng, trước khi đến với thành công, ta đã phải đối mặt với thất bại nhiều lần do những quyết định sai lầm. Nhưng ta cần phải biết rút ra kinh nghiệm từ chính lỗi lầm của mình và từ sai lầm của người khác.

Nhưng các bạn biết không, trong xã hội vẫn còn có nhiều người khi gây ra lỗi lầm không biết sửa chữa, nhận lỗi về mình; lại có những người vì lợi ích của bản thân mà cố ý gây ra lỗi lầm, tổn thương cho người khác,… những người này đáng bị xã hội chỉ trích, phê phán.

Bởi vậy, mỗi chúng ta cần định hướng hành động của bản thân sau khi nhận thức được vấn đề: chúng ta cần phải biết nhận lỗi và sửa lỗi, phải biết nhìn nhận thực tế; chỉ như thế ta mới có thể được người khác nhìn nhận, trân trọng và đánh giá cao.

Trong cuộc sống, chúng ta không tránh khỏi những lúc mắc sai lầm, phạm phải nhiều lỗi lầm theo những mức độ khác nhau, việc nhận lỗi và sửa chữa chúng sẽ khiến bản thân ta tốt lên từng ngày, hoàn thiện nhân cách đồng thời lấy lại niềm tin của người khác đối với bản thân mình.

**Xin cảm ơn thầy cô và các bạn đã chú ý theo dõi bài thuyết trình! Em mong muốn nhận được những góp ý từ thầy cô và các bạn!**

**Bảng kiểm đánh giá bài thuyết trình của HS:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí** | **Mức độ** | | |
| **Chưa đạt (0 điểm)** | **Đạt (1 điểm)** | **Tốt (2 điểm)** |
| **1** | Nội dung xoay quanh vấn đề liên quan đến tuổi trẻ. | Nội dung sơ sài, chưa có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề. | Có đủ luận cứ để người nghe hiểu vấn đề. | Vấn đề hấp dẫn, tính giáo dục cao. |
| **2** | Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | Nói nhỏ, khó nghe, nói ngập ngừng, lặp. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng. | Nói to, truyền cảm, không lặp lại hay ngập ngừng. |
| **3** | Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm, biểu cảm chưa phù hợp. | Điệu bộ tự tin, vào người nghe; biểu cảm chưa phù hợp với nội dung vấn đề. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| **4** | Mở đầu và kết thúc hợp lí. | Không chào hỏi hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi, có lời kết thúc nhưng chưa ấn tượng. | Chào hỏi, kết thúc bài nói rất ấn tượng. |
| **ĐIỂM** | **Tổng điểm: ...../10** | | | |

**4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ, biết ứng dụng CNTT vào quá trình học tập.

**b. Nội dung**: Tổ chức cuộc thi thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ và lưu lại thành video.

**c. Sản phẩm:** Video giới thiệu.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Nhiệm vụ về nhà: Hãy thuyết trình về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ (Lưu thành video clip).

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS tự thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà theo hình thức cá nhân hoặc làm việc theo nhóm tự chọn.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

GV trình chiếu một số video clip của HS vào đầu buổi học tiếp theo hoặc trong hoạt động ngoại khóa và tổ chức cho HS lựa chọn những video clip xuất sắc để lấy điểm quá trình.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV nhận xét, đánh giá về buổi thi thuyết trình của HS và kết luận.

**5. HOẠT ĐỘNG 5: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG (CẢ BÀI 3)**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức.

**b. Nội dung:**

- GV giao bài tập, gợi ý cho HS thực hiện tại lớp hoặc ở nhà.

- HS hoạt động nhóm để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV chia 5 nhóm thảo luận 5 câu hỏi:

**Câu hỏi thảo luận nhóm:**

**Câu 1.** Các văn bản đọc của bài (*Nhìn về vốn văn hoá dân tộc, Năng lực sáng tạo, Mấy ý nghĩ về thơ*) giúp bạn hiểu như thế nào về mối quan hệ giữa luận đề và các luận điểm trong bài văn nghị luận?

**Câu 2.** Dựa vào các văn bản đọc trong bài, hãy làm rõ tầm quan trọng của vấn đề lập luận trong văn nghị luận.

**Câu 3.** So sánh nội dung nghị luận và các thao tác được sử dụng ở hai văn bản *Năng lực sáng tạo* và *Mấy ý nghĩ về thơ*.

**Câu 4.** Cho đề tài: *Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng mà tuổi trẻ cần trau dồi để có được khả năng sáng tạo*.

a. Tìm ý và lập dàn ý cho đề tài trên.

b. Viết thành văn phần *Mở bài* và ý tiếp theo thuộc phần *Thân bài*.

c. Chuyển dàn ý bài viết thành dàn ý bài thuyết trình, dựa vào đó để tập luyện nói.

**Câu 5.** Tìm đọc thêm hai văn bản nghị luận xã hội và hai văn bản nghị luận văn học đề cập những vấn đề liên quan đến nội dung các văn bản đọc trong bài. Lập bảng, ghi ngắn gọn những thông tin cơ bản: luận đề, các luận điểm, các thao tác lập luận của từng văn bản.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS thảo luận, trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi.

- GV bổ sung, hướng dẫn HS trả lời.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

GV hướng dẫn, yêu cầu HS tự nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của HS.

**GỢI Ý TRẢ LỜI**

**Câu 1. Các văn bản đọc của bài (*Nhìn về vốn văn hoá dân tộc, Năng lực sáng tạo, Mấy ý nghĩ về thơ*) giúp em hiểu về mối quan hệ giữa luận đề và các luận điểm trong bài văn nghị luận như sau:**

**a. Khái niệm:**

- Luận đề: là ý kiến chủ đạo, quan điểm của người viết về vấn đề nghị luận.

- Luận điểm: là những ý kiến nhỏ, những lập luận được đưa ra để làm sáng tỏ, chứng minh cho luận đề.

**b. Mối quan hệ:**

- Luận điểm là cơ sở để hình thành luận đề: Luận đề được khái quát từ các luận điểm.

- Luận đề bao hàm các luận điểm: Luận điểm cụ thể hóa, triển khai luận đề.

- Luận điểm và luận đề có mối quan hệ mật thiết, hỗ trợ lẫn nhau: Luận điểm làm sáng tỏ luận đề, luận đề bao hàm và thống nhất các luận điểm.

**c. Phân tích mối quan hệ qua các văn bản đọc:**

**\* *Nhìn về vốn văn hóa dân tộc*:**

- Luận đề: Vốn văn hóa dân tộc là một nguồn tài nguyên quý báu, là nền tảng cho sự phát triển của đất nước.

- Luận điểm:

+ Vốn văn hóa dân tộc bao gồm những giá trị tinh thần và vật chất do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử.

+ Vốn văn hóa dân tộc có vai trò quan trọng trong việc định hình bản sắc dân tộc, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội.

+ Cần bảo tồn và phát huy vốn văn hóa dân tộc.

**\* *Năng lực sáng tạo*:**

- Luận đề: Năng lực sáng tạo là một phẩm chất quan trọng cần thiết cho mỗi người trong cuộc sống hiện đại.

- Luận điểm:

+ Năng lực sáng tạo là khả năng tạo ra cái mới, cái khác biệt từ những cái đã có.

+ Năng lực sáng tạo giúp con người giải quyết vấn đề hiệu quả, đạt được thành công trong cuộc sống.

+ Cần rèn luyện năng lực sáng tạo thông qua học tập, rèn luyện và thực hành.

***\* Mấy ý nghĩ về thơ*:**

- Luận đề: Thơ ca là một loại hình nghệ thuật có sức ảnh hưởng to lớn đến đời sống con người.

- Luận điểm:

+ Thơ ca giúp con người bộc lộ tình cảm, suy nghĩ, thể hiện quan điểm về cuộc sống.

+ Thơ ca giúp con người thanh lọc tâm hồn, hướng đến cái đẹp, cái cao thượng.

+ Cần đọc và sáng tác thơ để nâng cao đời sống tinh thần.

**=> Kết luận:**

- Luận đề và luận điểm là hai yếu tố quan trọng, có mối quan hệ mật thiết với nhau trong văn bản nghị luận.

- Việc hiểu rõ mối quan hệ này giúp người viết xây dựng bài văn chặt chẽ, logic và có sức thuyết phục.

**Câu 2.** **Tầm quan trọng của vấn đề lập luận trong văn bản nghị luận**

**a. Lập luận là yếu tố cốt lõi của văn bản nghị luận:**

- Mục đích chính của văn bản nghị luận là thuyết phục người đọc về một quan điểm, ý kiến nào đó.

- Để thuyết phục được người đọc, người viết cần sử dụng các lí lẽ, dẫn chứng logic, chặt chẽ để làm sáng tỏ luận điểm của mình.

- Lập luận chính là quá trình trình bày các lí lẽ, dẫn chứng ấy một cách khoa học, rõ ràng.

**b. Lập luận giúp bài viết có sức thuyết phục:**

- Một bài văn nghị luận có lập luận chặt chẽ, logic sẽ khiến người đọc tin tưởng vào quan điểm của người viết.

- Ngược lại, một bài văn thiếu lập luận, hoặc lập luận lỏng lẻo, thiếu logic sẽ không có sức thuyết phục, khiến người đọc không tin tưởng vào quan điểm của người viết.

**c. Lập luận giúp người viết rèn luyện tư duy logic:**

- Khi lập luận, người viết cần phải suy nghĩ một cách logic, chặt chẽ để sắp xếp các lí lẽ, dẫn chứng theo một trình tự hợp lí.

- Quá trình lập luận giúp người viết rèn luyện khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin.

**d. Lập luận giúp người viết nâng cao kỹ năng viết:**

- Để lập luận hiệu quả, người viết cần sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác, rõ ràng, mạch lạc.

- Quá trình lập luận giúp người viết rèn luyện kỹ năng sử dụng từ ngữ, câu văn, lập đoạn một cách hiệu quả.

**e. Lập luận giúp người viết thể hiện quan điểm cá nhân:**

- Thông qua lập luận, người viết thể hiện quan điểm, suy nghĩ của mình về vấn đề nghị luận.

- Lập luận giúp người viết khẳng định bản thân và tạo ấn tượng với người đọc.

**=>Kết luận:**

Lập luận là một trong những yếu tố quan trọng nhất của văn bản nghị luận. Lập luận giúp bài viết có sức thuyết phục, giúp người viết rèn luyện tư duy logic và kỹ năng viết, đồng thời giúp người viết thể hiện quan điểm cá nhân.

**Câu 3. So sánh nội dung nghị luận và các thao tác được sử dụng ở hai văn bản *Năng lực sáng tạo* và *Mấy ý nghĩ về thơ*:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Năng lực sáng tạo** | **Mấy ý nghĩ về thơ** |
| Nội dung | Khái niệm, vai trò, biểu hiện, cách rèn luyện năng lực sáng tạo. | Khái niệm, vai trò, đặc điểm, mối quan hệ giữa thơ và đời sống. |
| Thao tác | Giải thích, phân tích, chứng minh, sử dụng dẫn chứng, so sánh, liên hệ. | Giải thích, phân tích, chứng minh, sử dụng dẫn chứng, so sánh, liên hệ. |
| Nhận xét | Tập trung vào việc phân tích vai trò và biểu hiện của năng lực sáng tạo, đồng thời đưa ra các giải pháp để rèn luyện năng lực sáng tạo. | Tập trung vào việc phân tích vai trò và đặc điểm của thơ, đồng thời làm rõ mối quan hệ giữa thơ và đời sống. |
| Mặc dù có sự khác biệt về nội dung, hai văn bản *Năng lực sáng tạo* và *Mấy ý nghĩ về thơ* đều sử dụng các thao tác nghị luận một cách hiệu quả để làm sáng tỏ luận điểm của mình. | |

**Câu 4. Tư duy và tưởng tượng - Chìa khóa cho khả năng sáng tạo của tuổi trẻ**

**a. Tìm ý và lập dàn ý:**

**I. Mở bài:**

- Giới thiệu về tầm quan trọng của tuổi trẻ và vai trò của tư duy, tưởng tượng trong sáng tạo.

- Nêu luận điểm chính: *Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng mà tuổi trẻ cần trau dồi để có được khả năng sáng tạo.*

**II. Thân bài:**

**1. Giải thích:**

- Khái niệm:

+ Tư duy: khả năng suy nghĩ, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.

+ Tưởng tượng: khả năng hình dung những điều không có thật, sáng tạo ra những ý tưởng mới.

- Mối quan hệ giữa tư duy và tưởng tượng:

+ Tư duy là nền tảng cho tưởng tượng.

+ Tưởng tượng giúp mở rộng tư duy, khơi nguồn sáng tạo.

**2. Chứng minh:**

- Vai trò của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo:

+ Giúp con người tìm ra những giải pháp mới, độc đáo cho vấn đề.

+ Thúc đẩy sự phát triển của khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật.

+ Góp phần xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn.

- Biểu hiện của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo:

+ Khả năng đặt câu hỏi, tìm tòi, khám phá.

+ Khả năng liên tưởng, sáng tạo ý tưởng mới.

+ Khả năng giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

- Dẫn chứng:

+ Ví dụ về những người thành công nhờ tư duy và tưởng tượng sáng tạo.

+ Thành tựu khoa học, kỹ thuật, nghệ thuật được sáng tạo từ tư duy và tưởng tượng.

**3. Phân tích:**

- Tại sao tuổi trẻ cần trau dồi tư duy và tưởng tượng?

+ Tuổi trẻ có nhiều năng lượng, nhiệt huyết và sẵn sàng tiếp thu cái mới.

+ Tuổi trẻ cần trang bị cho mình những năng lực cần thiết để phát triển trong tương lai.

+ Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng giúp tuổi trẻ thành công.

- Cách trau dồi tư duy và tưởng tượng:

+ Đọc sách, học tập, nghiên cứu.

+ Rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo.

+ Tham gia các hoạt động kích thích tư duy và tưởng tượng.

**III. Kết bài:**

- Khẳng định lại luận điểm.

- Nêu lời kêu gọi: Tuổi trẻ cần ý thức được tầm quan trọng của tư duy và tưởng tượng, trau dồi những năng lực này để phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

**b. Viết thành văn phần *Mở bài* và ý tiếp theo thuộc phần *Thân bài*:**

***Mở bài:***

Tuổi trẻ là giai đoạn đẹp nhất của cuộc đời, là quãng thời gian tràn đầy sức sống, nhiệt huyết và ước mơ. Đây cũng là giai đoạn quan trọng để mỗi người hình thành và phát triển những năng lực cần thiết cho tương lai. Trong số đó, tư duy và tưởng tượng là hai năng lực vô cùng quan trọng đóng vai trò chìa khóa cho khả năng sáng tạo.

***Thân bài:***

**1. Giải thích:**

- Tư duy: là khả năng suy nghĩ, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề. Tư duy bao gồm nhiều khía cạnh như tư duy logic, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo,...

- Tưởng tượng: là khả năng hình dung những điều không có thật, sáng tạo ra những ý tưởng mới. Tưởng tượng giúp con người vượt ra khỏi những khuôn khổ, giới hạn, mở rộng tầm nhìn và khơi nguồn cảm hứng sáng tạo.

**c. Chuyển dàn ý bài viết thành dàn ý bài thuyết trình:**

**Đề tài:Tư duy và tưởng tượng - Chìa khóa cho khả năng sáng tạo của tuổi trẻ**

**I. Mở bài:**

**1. Giới thiệu:**

- Chào mừng các bạn đến với buổi thuyết trình của tôi về chủ đề *Tư duy và tưởng tượng - Chìa khóa cho khả năng sáng tạo của tuổi trẻ*.

- Tuổi trẻ là giai đoạn quan trọng để hình thành và phát triển những năng lực cần thiết cho tương lai.

- Trong số đó, tư duy và tưởng tượng là hai năng lực vô cùng quan trọng đóng vai trò chìa khóa cho khả năng sáng tạo.

**2. Nêu luận điểm:**

- Luận điểm 1: Tư duy và tưởng tượng là gì?

- Luận điểm 2: Vai trò của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo.

- Luận điểm 3: Tại sao tuổi trẻ cần trau dồi tư duy và tưởng tượng?

- Luận điểm 4: Cách trau dồi tư duy và tưởng tượng.

**II. Thân bài:**

**1. Giải thích:**

*- Tư duy:*

+ Khái niệm: khả năng suy nghĩ, phân tích, đánh giá và giải quyết vấn đề.

+ Các khía cạnh: tư duy logic, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo,...

- Tưởng tượng:

+ Khái niệm: khả năng hình dung những điều không có thật, sáng tạo ra những ý tưởng mới.

+ Vai trò: khơi nguồn cảm hứng, ý tưởng mới cho sáng tạo; giúp con người vượt ra khỏi những khuôn khổ, giới hạn, tìm ra những giải pháp độc đáo.

**2. Chứng minh:**

***Vai trò của tư duy và tưởng tượng trong sáng tạo:***

*- Tư duy:*

+ Cung cấp nền tảng kiến thức, kỹ năng để con người có thể sáng tạo.

+ Giúp con người phân tích vấn đề, đánh giá ý tưởng và đưa ra giải pháp sáng tạo.

*- Tưởng tượng:*

+ Khơi nguồn cảm hứng, ý tưởng mới cho sáng tạo.

+ Giúp con người vượt ra khỏi những khuôn khổ, giới hạn, tìm ra những giải pháp độc đáo.

***Dẫn chứng:***

- Albert Einstein: “Tưởng tượng quan trọng hơn kiến thức. Kiến thức chỉ giới hạn trong những gì chúng ta biết, trong khi tưởng tượng bao hàm cả thế giới mà chúng ta chưa biết.”

- Marie Curie: “Nhà khoa học không phải là người chỉ biết thu thập những con số, mà còn là người biết mơ ước và tưởng tượng.”

- Ví dụ về những người thành công nhờ tư duy và tưởng tượng sáng tạo:

+ Elon Musk: nhà sáng lập SpaceX và Tesla.

+ Bill Gates: nhà sáng lập Microsoft.

+ J.K. Rowling: tác giả bộ truyện Harry Potter.

**3. Phân tích:** Tại sao tuổi trẻ cần trau dồi tư duy và tưởng tượng?

- Tuổi trẻ có nhiều năng lượng, nhiệt huyết và sẵn sàng tiếp thu cái mới.

- Tuổi trẻ cần trang bị cho mình những năng lực cần thiết để phát triển trong tương lai.

- Tư duy và tưởng tượng là những năng lực quan trọng giúp tuổi trẻ thành công.

**4. Giải pháp:** Cách trau dồi tư duy và tưởng tượng:

- Đọc sách, học tập, nghiên cứu:

+ Đọc sách giúp mở rộng kiến thức, kích thích tư duy và tưởng tượng.

+ Học tập và nghiên cứu giúp trau dồi kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo.

- Rèn luyện kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo:

+ Tham gia các khóa học, hội thảo về tư duy sáng tạo.

+ Luyện tập giải quyết vấn đề một cách sáng tạo.

- Tham gia các hoạt động kích thích tư duy và tưởng tượng:

+ Tham gia các hoạt động nghệ thuật, sáng tạo.

+ Du lịch, khám phá những địa điểm mới.

+ Giao lưu, học hỏi với những người có tư duy sáng tạo.

**III. Kết bài:**

**1. Khẳng định lại luận điểm:**

- Tư duy và tưởng tượng là hai năng lực vô cùng quan trọng đóng vai trò chìa khóa cho khả năng sáng tạo.

- Tuổi trẻ cần ý thức được tầm quan trọng của tư duy và tưởng tượng, trau dồi những năng lực này để phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

**2. Lời kêu gọi:**

- Hãy trau dồi tư duy và tưởng tượng.

**Câu 5. HS tự hoàn thiện ở nhà theo gợi ý:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại văn bản** | **Tên văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** | **Thao tác lập luận** |
| Nghị luận xã hội | 1. |  |  |  |
| 2. |  |  |  |
| Nghị luận văn học | 3. |  |  |  |
| 4. |  |  |  |

**HƯỚNG DẪN HỌC Ở NHÀ**

- Vẽ sơ đồ tư duy về các đơn vị kiến thức của bài học.

- Hoàn thành các bài tập vận dụng và củng cố, mở rộng, ứng dụng các phần mềm hỗ trợ trên mạng.

**- Chuẩn bị bài 4:** **Yếu tố kì ảo trong truyện kể.**